TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thuý Q**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện T1, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh **Lê Nhất L**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thuý Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Nhất L thành hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 09 năm 06 tháng, lúc đầu hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tin tưởng lẫn nhau, đã ly thân thời gian dài từ đầu năm 2022 đến nay không hàn gắn lại được. Hiện vợ chồng không còn sống chung. Nay chị xác định mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Nhất L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hồ Đăng K, sinh ngày 15/01/2015 và Lê Hồ Minh K, sinh ngày 10/4/2020 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2024, bà Hồ Thị Bé H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Lê Nhất L. Giữa chị Q và anh L thành hôn năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/9/2014. Sau khi thành hôn vợ chồng anh L và chị Q sống bên gia đình được một thời gian, sau đó chuyển về sống bên gia đình của chị Q. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn gì thì bà không rõ, bà nghe anh L nói lại mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện anh L và chị Q đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Về con chung của chị Q và anh L có 02 con chung tên Lê Hồ Đăng K, sinh ngày 15/01/2015 và Lê Hồ Minh K, sinh ngày 10/4/2020 hiện đang sống chung với chị Q.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thuý Q được ly hôn với anh Lê Nhất L. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Hồ Đăng K, sinh ngày 15/01/2015 và Lê Hồ Minh K, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Q nuôi dưỡng, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản: Chị Q không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011229 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị Q đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hồ Thuý Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Lê Nhất L cư trú ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Lê Nhất L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hồ Thuý Q và anh Lê Nhất L thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 vào ngày 05/9/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh L là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Q và anh L thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không hàn gắn được. Theo lời trình bày của bà Hồ Thị Bé H là mẹ ruột của anh L xác định giữa anh L và chị Q thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, bè nghe anh L nói mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh L và chị Q đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không lý do, chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng về tình cảm, về vấn đề tiền bạc. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Q và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy 02 con chung tên Lê Hồ Đăng K, sinh ngày 15/01/2015 và Lê Hồ Minh K, sinh ngày 10/4/2020 hiện đang sống trực tiếp với chị Q, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo và cháu Lê Hồ Đăng K có nguyện vọng muốn sống chung với chị Q. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị Hồ Thuý Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Nhất L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thuý Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thuý Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thuý Q. Xử cho chị Q ly hôn với anh Lê Nhất L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Hồ Đăng K, sinh ngày 15/01/2015 và Lê Hồ Minh K, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Hồ Thuý Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Nhất L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thuý Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thuý Q phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0011229 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 05/9/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An